

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **111/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2017.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn.

2. Bà Nguyễn Thị T Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm: 1983 (có mặt)

HKTT: D2g0/26B, ấp 4A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: F1g3/14 ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1971 (có mặt)

HKTT: D20/g26B, ấp 4A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 02 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G bắt đầu chung sống vào năm 2001 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn (đăng ký quá hạn) số 151, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã sống ly thân. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G chung sống có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Thị T Nhi, sinh ngày 21/02/2002 và trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 09/4/2013. Bà T đồng ý giao hai trẻ Nhi và N cho ông G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Thanh T bắt đầu chung sống vào năm 2001, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn (đăng ký quá hạn) số 151, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2001. Thời gian đầu chung sống không có mâu thuẫn gì xảy ra, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Nay ông nhận thấy còn thương yêu vợ con và mâu thuẫn gia đình không trầm trọng như bà T trình bày nên ông không đồng ý ly hôn. Ông mong muốn gia đình đoàn tụ.

Nếu Tòa án cho ông và bà T ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai trẻ Nguyễn Thị T Nhi, sinh ngày 21/02/2002 và trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 09/4/2013. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay trẻ Nhi và trẻ N đang ở với.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông G xác nhận không có.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn G. Ông Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2001, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thanh T xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, xảy ra bạo lực trong gia đình thường xuyên, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc, liên hệ với nhau từ lâu. Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân số 2295/UBND ngày 08/8/2017 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận có nội dung “Qua trao đổi trực tiếp với ông G thì cuộc sống hôn nhân không xảy ra mâu thuẫn; Hiện nay ông G và bà T không có sống chung với nhau, đã ly thân khoảng 06 tháng nay”. Ông Nguyễn Văn G là người không đồng ý ly hôn với bà T nên việc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trao đổi trực tiếp và lấy thông tin từ ông G là không khách quan. Mặt khác Ông G và bà T đã sống ly thân từ hơn 06 tháng nay. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông G là có mâu thuẫn, cả hai đã không quan tâm chăm sóc nhau từ lâu, thể hiện tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T yêu cầu ly hôn với ông G là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T đồng ý giao hai trẻ Nguyễn Thị T Nhi, sinh ngày 21/02/2002 và trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 09/4/2013 cho ông Nguyễn Văn G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn G đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai trẻ Nhi và N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G cùng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G cùng xác nhận là không có.

[3]Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Trần Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn G.

Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn G. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G chấm dứt cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai trẻ Nguyễn Thị T Nhi, sinh ngày 21/02/2002 và trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 09/4/2013 cho ông Nguyễn Văn G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trần Thị Thanh T.

Bà Trần Thị Thanh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn G xác nhận là không có.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0021871 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ NGỌC CHIẾN